TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **57**/2019/KDTM-PT.
Ngày: 11/6/2019.
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thành
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Giang-Thư ký Toà án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:
Ông Phạm Tuấn An-Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 73/2019/KTPT ngày 09 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2019/QĐXX-PT ngày 04/6/2019 giữa:

* *Nguyên đơn:*	Ông Trịnh Thế Q, sinh năm 1962 Địa chỉ: số 102BC tập thể T, phường T, quận B, Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: số 38, ngách 20, ngõ 282 T, quận T, Hà Nội.
* *Bị đơn:*	Công ty cổ phần nhựa A Địa chỉ: số nhà 206, tổ 17, phường B, quận L, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Chu Thành N, sinh năm 1972; Chức vụ: Giám đốc.
* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*	Công ty TNHH nhựa Đ Địa chỉ: số 318/2 Đ, Đ, Hà Nội Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đức H, chức vụ: Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

1. Nguyên đơn là ông Trịnh Thế Q trình bày:

Ngày 03/9/2014, ông Q và Công ty CP nhựa A (sau đây gọi tắt là Công ty A) có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số 0309/2014/HĐKT/AT. Theo nội dung hợp đồng, ông Q đặt Công ty A làm 05 bộ khuôn gồm thân to, thân nhỏ,

eng ngắn, eng dài, màng hít và sản phẩm thân to, thân nhỏ, ống ngắn, ống dài. Bốn sản phẩm thân to, thân nhỏ, ống ngắn, ống dài kết hợp lại thành sản phẩm hút mũi hoàn chỉnh, theo mẫu của ông. Khi hợp đồng có hiệu lực, ông đã chuyển tiền cho Công ty A, cụ thể như sau:

- Đợt 1: ngày 03/9/2014 là 70 triệu đồng
- Đợt 2: ngày 11/2/2015 là 30 triệu đồng
- Đợt 3: ngày 28/3/2015 là 50 triệu đồng

Tổng cộng là 150 triệu đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty A đã vi phạm hợp đồng, cụ thể không giao hàng như quy định tại điều 1, không thực hiện cam kết giao hàng đúng thời hạn, không thực hiện sản xuất như cam kết và giao hàng, ông Q phải đi lại nhiều lần để thúc đẩy việc sản xuất, cuối cùng vẫn không thực hiện và kéo dài tới 6 tháng 25 ngày, làm mất nhiều thời gian và công sức trong thời gian dài. Đặc biệt làm tổn hại uy tín của ông với khách hàng mà ông Q đã ký hợp đồng giao sản phẩm hút mũi trẻ em đánh mất cơ hội sản phẩm ra thị trường, gây thiệt hại kinh tế lớn cho ông Q.

Do Công ty A vi phạm nên đến ngày 28/3/2015, ông Q buộc phải yêu cầu thanh lý hợp đồng với Công ty A và ông Q đã nhận sản phẩm như sau (theo phiếu xuất kho số 193 ngày 28/3/2015):

- 01 khuôn thân to, giá 35 triệu đồng;
- 01 khuôn thân nhỏ, giá 35 triệu đồng;
- 01 khuôn màng hít, giá 20 triệu đồng;
- Sản phẩm thân to: 10 nghìn cái, giá tiền là 10 triệu đồng.

Tổng cộng, ông Q đã nhận sản phẩm tương đương 100 triệu đồng.

Ngày 03/8/2017, ông Q khởi kiện yêu cầu:

1. Công ty A phải trả lại 50 triệu đồng, tương đương với hai khuôn eng ngắn và eng dài theo hợp đồng mà công ty A chưa giao cho ông (giá 25 triệu đồng một khuôn).

2. Công ty A phải trả cho ông khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 01/4/2015 đến 24/11/2018 là: 25 tháng x 0,83% x 50.000.000 = 17.658.000 đồng.

3. Công ty A phải bồi thường thiệt hại cho ông theo giá trị hợp đồng, căn cứ vào điều 3 hợp đồng kinh tế và mục 5 Phụ lục hợp đồng bổ sung đã ký giữa hai bên với số tiền là 140 triệu đồng.

Tổng cộng: 207.658.000 đồng.

2. Bị đơn là Công ty A trình bày:

Ngày 03/9/2014, Công ty A và ông Trịnh Thế Q có ký kết hợp đồng kinh tế số 0309.2014/HĐKT/AT. Thực hiện theo nội dung hợp đồng, Công ty A đã giao hàng cho ông Q đúng về số lượng, đảm bảo về chất lượng. Công ty A chỉ có vi phạm về thời hạn giao hàng (chậm 06 tháng) nhưng tại thời điểm hết 40 ngày theo hợp đồng nhưng ông Q vẫn đồng ý để Công ty A sản xuất và giao hàng, có nghĩa là ông Q đã đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng. Ông Qcũng đã thanh toán đủ tiền hàng theo hợp đồng và hai bên không còn nợ nần gì với nhau nữa. Công ty A không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Q.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH nhựa Đ (sau đây gọi là Công ty Đ) có công văn số 0903 ngày 9/3/2018 thể hiện:

Ngày 02/4/2015, ông Chu Thành N- đại diện hợp pháp của Công ty nhựa A có đặt hàng với Công ty nhựa Đ để sản xuất 01 bộ khuôn hàng hút mũi. Công ty Đ đã sản xuất khuôn và bàn giao sản phẩm đạt yêu cầu chất lượng theo thỏa thuận của hai bên. Trong quá trình sản xuất khuôn, ông Nam có gọi điện thoại giới thiệu và ủy quyền cho ông Trịnh Thế Q đến giao dịch. Sau khi làm xong sản phẩm, thanh toán công nợ đầy đủ ông Q đã đến Công ty Đ lấy lại bộ khuôn về theo biên bản bàn giao tài sản/hàng hóa ngày 20/9/2016. Công ty Đ và Công ty A đã hoàn thành công việc, thanh quyết toán công nợ cũng như hoàn thành các nghĩa vụ khác theo đơn đặt hàng giữa hai bên. Công ty Đ không có yêu cầu gì với Công ty A và ông Trịnh Thế Q.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2018/KDTM-ST ngày 24/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Long Biên đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Thế Q đối với Công ty CP Nhựa A về việc thanh toán tiền khuôn eng ngắn, eng dài trị giá 50 triệu đồng; yêu cầu trả tiền lãi: 17.658.000 đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại: 140.000.000 đồng. Tổng cộng là 207.658.000 đồng (Hai trăm linh bảy triệu, sáu trăm năm tám nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyền về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án của Tòa án sơ thẩm, ngày 26/11/2018 nguyên đơn là ông Trịnh Thế Q đã kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Long Biên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Đ đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại số 17/2018/DS-ST ngày 24/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Long Biên. Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn trong vụ án này là Công ty CP nhựa A, có trụ sở tại: số nhà 206, tổ 17, phường B, quận L, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng

dân sự thì Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý và giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Nhựa Đ có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng:

- Đối với yêu cầu kháng cáo đề nghị Công ty A phải trả lại số tiền 50.000.000 đồng tương đương với hai bộ khuôn eng ngắn, eng dài và tiền lãi phát sinh.

Xét thấy, tại Điều 1của hợp đồng 0309.2014/HĐKT/AT ngày 03/9/2014 và tại các biên bản lấy lời khai ngày 16/01/2018 thể hiện, ông Q đồng ý đặt Công ty A sản xuất 05 bộ khuôn (gồm khuôn thân to, khuôn thân nhỏ, khuôn eng ngắn, khuôn eng dài và khuôn màng hít) và 04 sản phẩm hút mũi (thân to, thân nhỏ, ống ngắn, ống dài). Với giá thành như sau: khuôn thân to là 35.000.000 đồng, khuôn thân nhỏ là 35.000.000 đồng, khuôn Eng ngắn là 25.000.000 đồng, khuôn Eng dài là 25.000.000 đồng. Tổng giá trị của 05 bộ khuôn là 140 triệu đồng; Giá thành phẩm sản phẩm hút mũi là 3.636 đồng/bộ.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Q đã thanh toán số tiền khuôn 140.000.000 đồng cho Công ty A, Công ty A xác nhận đã nhận số tiền này. Theo phiếu xuất kho ngày 28/3/2015 của Công ty A thể hiện Công ty A đã giao cho ông Q 10.000 sản phẩm thân trên hút mũi và 03 bộ khuôn hút mũi (chỉ ghi chung là 03 bộ khuôn, không ghi rõ là những khuôn gì). Ông Q cho rằng 03 bộ khuôn đó là khuôn thân to, khuôn thân nhỏ và khuôn màng hít. Còn khuôn eng ngắn, khuôn eng dài Công ty A chưa giao cho ông. Tuy nhiên, tại biên bản bàn giao tài sản/hàng hóa ngày 20/9/2016 giữa ông Q và Công ty Đ lại thể hiện ông Q đã nhận 01 bộ khuôn màng hít từ Công ty Đ theo ủy quyền của Công ty A, Công ty Đ đã có công văn xác nhận sự việc này. Ngoài biên bản bàn giao này không còn phiếu xuất kho hay hóa đơn nào khác thể hiện việc giao nhận khuôn màng hít giữa ông Q với Công ty Đ. Ông Q nhận khuôn màng hít ngày 20/9/2016 thì ngày 28/3/2015 Công ty A không thể ghi phiếu xuất kho có bộ khuôn này được, tức là trước ngày ông nhận khuôn vì về nguyên tắc, phiếu xuất kho phải tại thời điểm giao hàng và xuất kho tại đâu thì viết phiếu xuất kho ở đó.

Mặt khác, tại biên bản ghi lời khai ngày 19/01/2018 (BL 81), ông Q thừa nhận *"Khuôn màng hít tôi nhận từ công ty Đ dùng để làm ra sản phẩm màng hít. Sản phẩm màng hít có thể bằng nhựa hoặc vật liệu khác, có hình dạng tương ứng và dùng để đựng 04 sản phẩm thân to, thân nhỏ, ống ngắn, ống dài....Sau khi nhận được khuôn, ngày 04/3/2017 tôi lại chuyển khuôn màng hít cho công ty Đ để sản xuất sản phẩm theo khuôn..."*. Hợp đồng ký kết giữa ông Q và Công ty A (phần giá sản phẩm) cũng thể hiện 04 sản phẩm thân to, thân nhỏ, ống ngắn, ống dài tạo thành một bộ sản phẩm hút mũi hoàn chỉnh. Như vậy, sản phẩm màng hít cũng chính là sản phẩm dùng để đựng một bộ sản phẩm hút mũi hoàn chỉnh. Sau khi nhận được khuôn, ông Q lại tiếp tục tự đặt công ty TNHH nhựa Đ sản xuất sản phẩm màng hít theo khuôn. Điều này chứng tỏ ông Q đã nhận đủ khuôn để làm ra sản phẩm tương ứng. Mặc khác, ngày 28/3/2015 khi nhận các khuôn thì ông Q đã trả đủ tiền theo hợp đồng kinh tế.

Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Q đối với yêu cầu buộc Công ty A phải trả 50.000.000 đồng (của 02 bộ khuôn còn thiếu) và tiền lãi là 17.658.000 đồng.

- Đối với kháng cáo yêu cầu Công ty A bồi thường thiệt hại 140.000.000 đồng do vi phạm hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã được ký kết giữa hai bên.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Q khai tại điều 3 của hợp đồng ngày 03/9/2014 và điểm 5 của Phụ lục hợp đồng ngày 22/3/2015, các bên có thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hai do vi phạm hợp đồng. Ông Q cũng có trình bày *" Sau khi ký kết hợp đồng với công ty A, tôi thành lập doanh nghiệp và ký kết bán cho công ty TNHH thương mại K số lượng 20.000 sản phẩm nhưng vì công ty A không thực hiện hợp đồng giao hàng như đã ký trước đó nên tôi không có hàng giao bán cho công ty K, gây thiệt hại lớn cho thu nhập của công ty tôi....."*.

Về vấn đề này, thấy rằng: Công ty A cũng thừa nhận là chậm giao hàng cho ông Q. Nhưng sau đó, hai bên vẫn tự nguyện thỏa thuận và ký kết Phụ lục hợp đồng tăng giá sản phẩm, tiếp tục thực hiện hợp đồng thì có nghĩa là ông Q đã chấp nhận việc chậm giao hàng đó của bị đơn.

Theo hợp đồng thì thời gian làm khuôn là 40 ngày. Nhưng sau 40 ngày kể từ ngày hai bên ký hợp đồng, Công ty A chưa giao hàng cho ông Q là vi phạm Điều 2 của hợp đồng. Tuy nhiên, ngày 22/3/2015, hai bên ký kết Phụ lục hợp đồng về việc tăng thêm giá sản phẩm đối với bộ ống ngắn, ống dài. Từ ngày 03/9/2014 đến ngày 22/3/2015 là ngày ký Phụ lục hợp đồng, hai bên không có việc giao nhận hàng. Điều này chứng tỏ ông Q chấp nhận và không thắc mắc gì về việc chậm tiến độ của Công ty A và đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng. Các tài liệu có trong hồ sơ cũng thể hiện ông Q không bị Công ty TNHH K phạt vi phạm hợp đồng.

Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo yêu cầu Công ty A bồi thường thiệt hại số tiền 140.000.000 đồng của ông Trịnh Thế Q.

Kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp hợp đồng kinh tế nhưng lại thu tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng là không đúng (phải thu 2.000.000 đồng) và chỉ áp dụng luật Dân sự để giải quyết mà không áp dụng luật Thương mại năm 2005 là không đúng.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 và điểm a khoản 5 Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 ; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 24, 50, 56, 301, 303, 317, 319 Luật Thương mại năm 2005;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Thế Q đối với Công ty cổ phần nhựa A về việc thanh toán tiền khuôn eng ngắn, eng dài trị giá 50.000.000 đồng; yêu cầu trả tiền lãi là 17.658.000 đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại là 140.000.000 đồng. Tổng cộng là 207.658.000 đồng.

2. Về án phí: Ông Trịnh Thế Q phải chịu 10.382.900 đồng án phí sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.916.000 đồng đã nộp theo biên lai số 05903 ngày 25/9/2017 và 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0925 ngày 26/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên. Còn phải nộp tiếp 7.166.900 đồng.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 11/6/2019.

Nơi nhận:
- VKS ND TP Hà Nội;
- TAND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- Các đương sự;
- Lưu VP, TKT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Minh Thành